

THÔNG BÁO

Rút kinh nghiệm kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại theo thủ tục giám đốc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận thấy việc giải quyết vụ án về *Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp* giữa ông Lâm Quang N; bà Lê L và bị đơn là bà Nguyễn Thị D; ông Nguyễn Hồng Ch của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM tại Bản án phúc thẩm số 25/2022/KDTM-PT ngày 13/5/2022 có vi phạm, cần thông báo rút kinh nghiệm, cụ thể như sau:

1. Nội dung vụ án

Ngày 22/5/2019, ông Lâm Quang N, bà Lê L (là thành viên của Công ty MT) ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty MT cho bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn S, ông Đoàn Văn S, tổng giá chuyển nhượng là 140 tỷ đồng.

Về phương thức thanh toán, các bên thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp: Công ty MT hiện đang có khoản nợ vay Ngân hàng BIDV số tiền 40 tỷ đồng; Bên mua có trách nhiệm thanh toán số tiền này theo yêu cầu của Ngân hàng; Giá trị thanh toán bên mua nhận trực tiếp từ bên bán là 100 tỷ đồng, bên mua có trách nhiệm thanh toán: Lần 1 là 10 tỷ đồng chậm nhất là ngày 23/5/2019; Lần 2 là 40 tỷ đồng, chậm nhất là ngày 13/6/2019; Lần 3 thanh toán số nợ còn lại 50 tỷ đồng thì bên bán cho bên mua trả chậm hàng tháng ít nhất 2 tỷ đồng/1 tháng, chậm nhất vào ngày 13 dương lịch hàng tháng cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ. Trường hợp chậm trả, bên mua phải chịu lãi suất chậm trả 7%/năm/số tiền chậm trả. Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản do bên mua chỉ định số tài khoản mang tên ông Lâm Quang N tại Ngân hàng Vietcombank.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên mua đã thanh toán khoản nợ của bên bán 40 tỷ đồng cho Ngân hàng BIDV và thanh toán cho bên bán 50 tỷ đồng; Còn 50 tỷ đồng thỏa thuận trả chậm làm 3 lần thì bên mua chưa thực hiện thanh toán. Bên bán nhiều lần có văn bản yêu cầu bên mua trả nợ, nhưng bên mua chưa thực hiện.

Ngày 28/10/2019, các bên tiếp tục ký các văn bản:

Văn bản thứ nhất: Biên bản thanh lý *Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp* với nội dung: *Do bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hai bên thống nhất hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đã ký ngày 22/5/2019.*

Văn bản thứ hai: Biên bản về việc *thỏa thuận giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 22/5/2019*

với nội dung: *Các bên thống nhất giá trị chuyển nhượng là 9 tỷ đồng và bên mua đã thanh toán xong.*

Văn bản thứ ba: Giấy nhận nợ, theo đó bà D xác nhận số tiền Bà còn nợ ông N là 50 tỷ đồng, cam kết thanh toán 8 tỷ chậm nhất vào ngày 30/10/2019; còn 42 tỷ đồng xin trả ít nhất 2 tỷ đồng mỗi tháng chậm nhất vào ngày 13 dương lịch hàng tháng đến khi hết nợ, chậm trả phải chịu lãi suất 7%/năm/số tiền chậm trả.

Sau ngày 28/10/2019, bà D tiếp tục thanh toán cho ông N tổng số tiền là 2.555.348.459 đồng; trong đó thanh toán số tiền 1 tỷ đồng vào ngày 08/11/2019 và số tiền 1.555.348.459 đồng vào ngày 12/12/2019 qua Vietcombank có ghi nội dung “TT GOC LAI LAN 3 TAI KHOAN B DIEU 4.1 THEO HD CHUYEN NHUONG”.

Tại Văn bản ngày 10/12/2019, bà D thừa nhận do gặp khó khăn về tài chính nên chưa thanh toán theo tiến độ thanh toán lần thứ ba theo khoản b Điều 4 Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 22/5/2019. Ngày 12/12/2019, bà D có văn bản gửi ông N với nội dung: *Hôm nay, chúng tôi chuyển tiền cho Ông theo như thỏa thuận lần thứ 03 tại khoản b Điều 4.1 Hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 22/5/2019 được ký bởi ông L với bà D với số tiền chuyển như sau:*

$1+2-3-4 = 1.555.348.459 \text{ VNĐ}$ (trong đó thừa nhận cả tiền lãi phát sinh).

Ngày 11/02/2020 và 13/3/2020, Ông Lâm Quang N, bà Lê L khởi kiện yêu cầu bà D phải trả cho Ông, Bà số tiền 47.444.651.541 đồng, yêu cầu trả tiền lãi với mức 0,83%/tháng.

2. Quá trình giải quyết của Tòa án

Bản án KDTM sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 31/5/2021 của TAND tỉnh T Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quang N, bà Lê L.

Bản án KDTM phúc thẩm số 25/2022/KDTM-PT ngày 13/5/2022 của TAND cấp cao tại TP HCM giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST của TAND tỉnh T.

Ngày 30/9/2024, Chánh án TAND tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 19/2024/KN-KDTM đối với Bản án KDTM phúc thẩm số 25/2022/KDTM-PT ngày 13/5/2022 của TAND cấp cao TP HCM. Ngày 07/01/2025, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 04/2025/KDTM-GĐT chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 19/2024/KN-KDTM của Chánh án TAND tối cao: *Hủy Bản án Kinh doanh thương mại số 25/2022/KDTM – PT ngày 13/5/2022 của TAND cấp cao tại TP HCM và Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 30/05/2021 của TAND tỉnh T; giao hồ sơ cho TAND tỉnh T để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.*

3. Những vấn đề cần rút kinh nghiệm

Ngày 22/5/2019, ông Lâm Quang N, bà Lê L (là thành viên của Công ty MT) ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty MT cho bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn S, ông Đoàn Văn S, giá chuyển nhượng là 140 tỷ đồng. Bên mua đã thanh toán được 90 tỷ đồng, số tiền còn phải thanh toán là 50 tỷ đồng.

Ngày 28/10/2019, các bên ký Biên bản thanh lý *Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 22/5/2019 có nội dung: Hai bên thống nhất hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 22/5/2019. Các bên sẽ cùng nhau thương lượng, thỏa thuận, giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc chấm dứt hợp đồng; Đồng thời ký Biên bản về việc thỏa thuận giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 22/5/2019 với nội dung: Các bên thống nhất giá trị chuyển nhượng là 9 tỷ đồng và bên mua đã thanh toán xong. Bên cạnh đó còn ký Giấy nhận nợ, ghi nhận bà D còn nợ ông N số tiền 50 tỷ đồng và thỏa thuận thanh toán làm 3 lần.*

Sau ngày ký ba văn bản trên:

+ Bà D vẫn tiếp tục thanh toán cho ông N số tiền là 1.555.348.459 đồng qua Ngân hàng với nội dung thanh toán là “TT GOC LAI LAN 3 TAI KHOAN B DIEU 4.1 THEO HĐ CHUYEN NHUONG” (thanh toán vào ngày 08/11/2019 và ngày 12/12/2019)

+ Ngày 12/12/2019, bà D có văn bản gửi ông N với nội dung: *Hôm nay, chúng tôi chuyển tiền cho Ông theo như thỏa thuận lần thứ 03 tại khoản b Điều 4.1 Hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 22/5/2019 ...với số tiền chuyển như sau:*

1+2-3-4 = 1.555.348.459 VNĐ (trong đó thừa nhận cả tiền lãi phát sinh).

+ Hồ sơ có Văn bản ngày 10/12/2019, bà D thừa nhận *do gặp khó khăn về tài chính nên chưa thanh toán theo tiến độ thanh toán lần thứ ba theo khoản b Điều 4 Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 22/5/2019.*

Như vậy, mặc dù các bên có ký Biên bản thanh lý, hủy bỏ đối với Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22/5/2019. Nhưng các tài liệu chứng cứ trên cho thấy thực tế, bà D vẫn thực hiện thanh toán tiếp khoản nợ 50 tỷ đồng cho ông N. Do đó, nếu bà D không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh giữa bà D với ông N, bà Lê L không còn tồn tại giao dịch nào khác thì phải xác định số tiền 50 tỷ đồng theo Giấy nhận nợ ngày 28/10/2019 là xuất phát từ Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 22/5/2019.

Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chỉ căn cứ vào Biên bản thanh lý *Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 22/5/2019* và *Biên bản về việc thỏa thuận giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 22/5/2019* xác định bên mua đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, từ đó bác yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quang L và bà Lê L là đánh giá chứng

cứ không đầy đủ, không toàn diện và không chính xác, vi phạm khoản 1 Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Lâm Quang N và bà Lê L.

Trên đây là vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm trong việc giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố H trong quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án đã không phát hiện kịp thời để thực hiện quyền kháng nghị của Viện kiểm sát. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo đến Viện kiểm sát nhân dân các cấp cùng tham khảo và rút kinh nghiệm khi kiểm sát giải quyết vụ án tương tự. *11*

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSND tối cao (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Đức Thái-Phó VT VKSNDTC (để b/c);
- Văn phòng, Vụ 14, T1, T2, T3 VKSND tối cao (để biết);
- VKSND cấp cao 1,2,3;
- VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để th/h);
- Lưu VT, V10, HSKS. *P*

**TL. VIỆN TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KIỂM SÁT AN HÀNH CHÍNH,
KINH DOANH THƯƠNG MẠI**



Nguyễn Kim Sáu